

Bản án số: 19/2022/HS-PT
Ngày: 04-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán:

Ông Đào Chí Keo

Ông Hoàng Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn Hòa do có kháng cáo của bị cáo Lộc, Hòa E và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SG đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2021/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn L (L Đ)**, sinh năm 1997 tại huyện CM, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp PT 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975; có vợ là Mai Thị Kim V (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2020.

- Tiền sự: không.

- Tiền án: Ngày 13/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng. Trong thời gian thử thách, ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện CM xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” và “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt của 02 tội là 04 năm 03 tháng tù và tổng hợp hình phạt chung của hai Bản án là 05 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2020, chưa nộp án phí và chưa bồi thường theo Bản án.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn Hòa E (H)**, sinh năm 2003 tại huyện CM, tỉnh An Giang; nơi cư

trú: ấp PT 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1974; bị cáo chưa lập gia đình.

Nhân thân: Ngày 16/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện CM xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/8/2020, đã nộp xong án phí; thời điểm bị cáo bị kết án lúc chưa thành niên, phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không xem là án tích.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến nay.

3. Bị hại:

3.1 Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp MT, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang;

3.2 Ông Trần Kim S (T), sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang;

3.3 Bà Phan Thị Nh, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp LT, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang;

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1 Ông Phan Văn B, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp TH, xã TH, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp;

4.2 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963; nơi cư trú: phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp;

4.3 Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976; nơi cư trú: phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp;

4.4 Bà Mai Thị Kim V, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp LH, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang;

4.5 Ông Huỳnh Văn Khang E, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp MT, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang;

4.6 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SG (sau đây được viết tắt là Công ty HD SG; địa chỉ: Ph 6, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty HD SG: Ông Nguyễn Hữu Nh - chức vụ: Tổng Giám đốc của Công ty HD SG;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh H - chức vụ: Chuyên viên pháp lý tổ tụng của Công ty HD SG (theo Giấy ủy quyền số 220302-CEA ngày 02/3/2022 và Giấy ủy quyền số 160629/GUQ-TGD ngày 29/6/2016 của Công ty HD SG);

(Trong vụ án, bị cáo L, Hòa E và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HD SG có kháng cáo; sau đó bị cáo L, Hòa E đã rút kháng cáo; bị hại và những người liên quan khác không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 17/6/2021, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 67L2-415.32 đến rú Lê Văn Hòa E đi tìm tài sản lấy trộm, thì Hòa E đồng ý. L chở Hòa E đến ấp MT, thị trấn ML, phát hiện trong sân nhà của Trần Thị Cẩm T có cây mai vàng, nên L và Hòa E đến xô ngã cây mai, khiêng ra khỏi chầu, L chở Hòa E đến ấp LT, xã LĐ, lấy trộm xe đẩy của Trần Kim S quay trở lại khiêng cây mai để lên xe đẩy; L điều khiển xe mô tô chở Hòa E ngồi sau kéo xe đẩy chở cây mai đi. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày đến nhà của Phan Văn B (anh rể của L), ngụ ấp Tân HT, xã TH, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, L nói với B cây mai mua ở huyện CM nhờ B bán dùm với mức giá từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, thì B đồng ý. B bán cây mai cho Phạm Văn T ở phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, được 15.000.000 đồng. L chia cho Hòa E 5.000.000 đồng, cho B 1.000.000 đồng nói là tiền lời bán mai, còn lại 9.000.000 đồng L cất giữ. Sau khi phát hiện cây mai bị mất trộm, Trần Thị Cẩm T trình báo Công an; ngày 18 và 25/6/2021, L và Hòa E lần lượt ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ và xử lý: 01 cây mai vàng, đã trả cho Trần Thị Cẩm T; còn tạm giữ 01 xe mô tô và bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 67L2-415.32 mang tên Nguyễn Văn L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J7 có lắp thẻ sim Viettel số 0329345510, 01 nón bảo hiểm màu đỏ loại nón sơn, số tiền 10.000.000 đồng của Nguyễn Văn L và 1.000.000 đồng của Phan Văn B giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG.TTHS ngày 23/6/2021 và số 45/KL-HĐĐG.TTHS ngày 12/7/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM, xác định;

- 01 (một) xe đẩy khung bằng sắt tròn đường kính 34mm, dài 2,5m, rộng 0,9m, chiều cao 1m (đã qua sử dụng), trị giá 1.000.000 đồng.

- 01 (một) cây mai vàng cao 3,15m, chu vi gốc lớn nhất 0,4m, cành đều nhau hình tháp, cành gần đỉnh mai dài 0,3m, chu vi cành 0,07m, tầng ngang 0,4m, cành gần gốc mai dài 1,8m, chu vi cành 0,15m, tầng ngang gần gốc 3,3m, trị giá 30.000.000 đồng; tổng trị giá tài sản 31.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện CM khởi tố, tạm giam L và Hòa E, để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSCM ngày 12/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn L (Đ) theo điểm g khoản 2 Điều 173 và Lê Văn Hòa E (H) theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L (Đ), Lê Văn Hòa E (H) về tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật và hình phạt:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L (Đ) 02 năm 9 tháng tù (hai năm chín tháng). Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Hòa E (H) 01 năm 3 tháng tù (một năm ba tháng). Thời hạn tù tính kể từ bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 6 năm 2021.

3. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 122, 123, 131, 407 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn Hòa E có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu) cho ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị L.

Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị L được quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM nhận tiền; từ số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu) mà bị cáo L, ông B nộp khắc phục theo các biên lai thu tiền số 0003612, 0003613 ngày 29/11/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới tạm quản lý.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

5.1 Tịch thu, phát mãi sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7, có gắn thẻ sim Viettel số 0329345510.

5.2 Trả lại cho chị Mai Thị Kim V 01 (một) xe mô tô biển số 67L2-415.32, nhãn hiệu Honda, Winer X, màu vàng đen, số khung RLHKC3704KY043641, số máy KC34E1090450, đã qua sử dụng.

5.3 Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ, loại nón son.

Các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM tạm quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện CM với Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM).

5.4 Tiếp tục lưu giữ 01 (một) bản sao chứng nhận đăng ký xe mô tô số 123084 trong hồ sơ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo luật định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/01/2021, Công ty HD SG kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng đối với chiếc xe nhãn hiệu Honda Winer X; biển số 67L2-415.32 để xử lý tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay của bị cáo Nguyễn Văn L;

Tại phiên tòa phúc thẩm; Công ty HD SG giữ nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu được nhận chiếc xe biển số 67L2-415.32 cho Công ty HD SG để xử lý tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay của bị cáo Nguyễn Văn L;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về thủ tục kháng cáo của Công ty HD SG hợp lệ, đúng hạn, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ lời khai bị cáo và các chứng cứ có liên quan đến chiếc xe biển số 67L2-415.32, do bị cáo L sử dụng đi trộm cắp tài sản, xác định đây là tài sản riêng của bị cáo L; không phải tài chung của vợ chồng, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty thuê tài chính HD SG; sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; đề nghị tịch thu chiếc xe nhãn hiệu Honda Winer X; biển số 67L2-451.32 nộp vào Ngân sách Nhà nước; các phần còn lại không kháng cáo, kháng nghị giữ y và có hiệu lực pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của Công ty HD SG trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên; tuy nhiên những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử; cần thiết Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa; căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

[3] Sau khi xét xử bị cáo L và Hòa E có đơn kháng cáo, cấp phúc thẩm đã thụ lý, nhưng sau đó bị cáo L và Hòa E làm đơn xin rút toàn bộ kháng cáo; nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã ra Quyết định số 14/2022/HSPT-QĐ ngày 27/01/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 08/QĐ-HSPT ngày 03/3/2022 về

việc đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 02 bị cáo L, Hòa E về tội danh, hình phạt đối với 02 bị cáo;

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HD SG yêu cầu xem xét xử lý vật chứng chiếc xe nhãn hiệu Honda Winer X; biển số 67L2-415.32; Công ty HD SG được nhận tài sản để xử lý tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay của bị cáo Nguyễn Văn L; trường hợp không nhận lại xe, đề nghị giao cho cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá, ưu tiên cho Công ty HD SG thanh toán số tiền bị cáo L còn nợ Công ty số tiền 21.160.389đ; căn cứ Công ty đưa ra quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; về thí điểm xử lý nợ xấu của Tổ chức tín dụng quy định về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự; Điều 299, 303 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về các trường hợp xử lý tài sản thế chấp...

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty HD SG thì thấy,

[5.1] Quá trình điều tra, khởi tố vụ án đã thu giữ 01 (một) xe mô tô biển số 67L2-415.32, nhãn hiệu Honda, loại Winer X, màu vàng đen, số khung RLHKC3704KY043641, số máy KC34E1090450, đã qua sử dụng; Thông qua hợp đồng tín dụng vay tiền để mua xe giữa bị cáo L với công ty HD SG với hình thức thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2W017292746 ngày 11/11/2020.

[5.2] Tại cơ quan Điều tra chị Mai Thị Kim V khai: Chị V và anh L chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng chưa đăng ký kết hôn; chị V, anh L lên Bình Dương sinh sống làm công nhân; trong quá trình này thì anh L có vay tiền và mua xe; tại phiên tòa, bị cáo L khai số tiền ban đầu 12.000.000đ trả trước để mua xe là của bị cáo L; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Kim V, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn; sống chung với chị V được mười mấy ngày thì mới mua xe; lời khai này phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án;

[5.3] Tại Hợp đồng tín dụng số 2W017292746 ngày 16/5/2020 bên vay: Nguyễn Văn L; bên cho vay công ty HD SG; có nội dung khoản cấp vốn 40.000.000đ, thời hạn vay 18 tháng; sản phẩm được tài trợ 01 Honda, loại Winer X, màu vàng đen, số khung RLHKC3704KY043641, số máy KC34E1090450; Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Giấy chứng nhận đăng ký xe Mô tô, xe máy số 123084 ngày 15/5/020 do Công an huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho bị cáo Nguyễn Văn L đứng tên; tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai chính bị cáo L dùng xe này để chở bị cáo Hòa E đi trộm cắp tài sản là cây mai của chị Cẩm T; rồi chở bị cáo Hòa E tiếp tục đi lấy trộm xe đẩy để kéo vận chuyển cây mai lấy trộm được đem đi gửi anh B bán dùm và anh B đã bán cho anh T được 15.000.000đ;

[5.4] Do đó, đủ cơ sở xác định chiếc xe Honda, loại Winer X, màu vàng đen, số khung RLHKC3704KY043641, số máy KC34E1090450 là tài sản của bị cáo L đứng tên chủ sở hữu; bị cáo L dùng làm công cụ, phương tiện trực tiếp để thực hiện hành vi phạm tội; nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, có đủ căn cứ xác định đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội; nên Hội đồng xét xử tuyên bố tịch thu 01

chiếc xe Honda, loại Winer X, màu vàng đen, số khung RLHKC3704KY043641, số máy KC34E1090450; nộp ngân sách Nhà nước;

[5.5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Công ty HD SG được nhận lại chiếc xemô tô biển số 67L2-415.32; để xử lý tài sản thế chấp; Công ty HD SG có quyền khởi kiện bị cáo L bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu;

Công ty HD SG không cung cấp chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty HD SG như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa;

[6] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang; không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty HD SG phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SG.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2021/HS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang; về xử lý tang vật chứng trong vụ án;

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L (Đ), Lê Văn Hòa E (H) về tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L (Đ) 02 năm 9 tháng tù (hai năm chín tháng). Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Hòa E (H) 01 năm 3 tháng tù (một năm ba tháng). Thời hạn tù tính kể từ bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 6 năm 2021.

[3] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 122, 123, 131, 407 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn Hòa E có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu) cho ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị L.

Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị L được quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để nhận lại số tiền, từ số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu) bị cáo L, ông B nộp khắc phục theo các biên lai thu tiền số 0003612, 0003613 ngày 29/11/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM tạm quản lý.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

5.1 Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7, có gắn thẻ sim Viettel số 0329345510.

5.2 Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 67L2-415.32, nhãn hiệu Honda, Winer X, màu vàng đen, số khung RLHKC3704KY043641, số máy KC34E1090450, đã qua sử dụng.

5.3 Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ, loại nón sơn.

Các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM tạm quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện CM với Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM).

5.4 Tiếp tục lưu giữ 01 (một) bản sao chứng nhận đăng ký xe mô tô số 123084 trong hồ sơ.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L (Đ), Lê Văn Hòa E (H) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L (Đ), Lê Văn Hòa E (H) liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SG phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm;

[9] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HS-ST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang không có

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện CM (2);
- Công an huyện CM (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện CM(1);
- Bị cáo (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (4);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn